TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10-CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 107/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04/6/2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10-CẦN THƠ

* ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Nhẫn

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Hứa Văn Khương

2/. Ông Trần Hoàng Bảy

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà***: Bà Lý Hồng Trang, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Vũ Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 94/2026/TLST-HNGĐ ngày 09/3/2026, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị Dung, sinh ngày 01/01/1977; CCCD: 094177013570, cấp ngày 12/9/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: ấp Xóm Chòi, xã Kế Sách, thành phố Cần Thơ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Út, sinh năm 1979; CCCD: 094079020488, cấp ngày 12/9/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: ấp Xóm Chòi, xã Kế Sách, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thạch Thị Kim Yến trình bày: Vào năm 2005, bà Dung và ông Nguyễn Văn Út có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kế Sách, thành phố

Cần Thơ. Trong quá trình chung sống bà Dung và ông Út có hai người con chung tên Nguyễn Quý Nhơn, sinh ngày 11/6/2002 hiện đã trưởng thành và có cuộc sống riêng; Nguyễn Quý Ngọc, sinh ngày 13/10/2014 hiện đang sống chung với cha mẹ. Nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian đầu bà Dungh và ông Út sống chung rất hạnh phúc. Tuy nhiên, đến đầu năm 2026, bà Dung và ông Út thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, không thể sống chung với nhau được nữa, từ đó làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nhận thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Dung yêu cầu Tòa án nhân dân giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Út; Về con chung, bà Dung và ông Út có hai người con chung tên Nguyễn Quý Nhơn, sinh ngày 11/6/2002 hiện đã trưởng thành và phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần; Nguyễn Quý Ngọc, sinh ngày 13/10/2014; bà Dung đồng ý giao con chung tên Nguyễn Quý Ngọc, sinh ngày 13/10/2014 cho ông Út trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, bà Dung không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung bà Dung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Út đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Út đều vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Dung.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành nghiêm theo Giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Dung, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn Út đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dung và ông Út chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà Dung và ông Út phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, bà Dung và ông Út sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc. Ông Út cũng không đến Tòa tham gia tố tụng, không tham gia hòa giải nên chưa có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dung cho bà Dung và ông Út được ly hôn để mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[2.2] Về con chung: Bà Dung và ông Út có 02 con chung Nguyễn Quý Nhơn, sinh ngày 11/6/2002 hiện đã trưởng thành và phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử không xem xét; đối với con chung tên Nguyễn Quý Ngọc, sinh ngày 13/10/2014, hiện đang sống chung với cha mẹ. Xét thấy, bà Dung đồng ý giao cháu Ngọc cho ông Út trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ngọc đủ 18 tuổi, ông Út không có ý kiến về vấn đề nuôi con, nên Hội đồng xét xử cần ổn định môi trường sống của cháu. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cần giao cháu Ngọc cho ông Út trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ngọc đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Dung, không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228; Điều 238; Điều 271, 273; Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Dung.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Dung được ly hôn với ông Nguyễn Văn Út.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quý Ngọc cho ông Nguyễn Văn Út trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ngọc đủ 18 tuổi.

Bà Võ Thị Dung được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Võ Thị Dung phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004265 ngày 06/3/2026 do Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ đã thu.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 10 - Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
(Phòng THADS khu vực 10 – Cần Thơ)
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Nhẫn